TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2020/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 7 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Trần Thanh Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 279/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 306/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Kiều T , sinh năm 1996; cư trú tại: Ấp Kinh Ngang, xã Quách Phẩm B , huyện Đ , tỉnh C (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn T , sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp Kinh Ngang, xã Quách Phẩm B , huyện D, tỉnh C (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2020 trong qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Kiều T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T chung sống với nhau vào năm 2015, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quách Phẩm B , huyện Đ , tỉnh C . Quá trình chung sống gần đây phát sinh mâu thuẫn do anh T thường đi uống rượu về nhà đánh chị và không lo lắng cho vợ con và hiện vợ chồng đã ly thân hơn 02 năm. Nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn anh T .

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc M , sinh ngày 20/10/2015 và Trần Ngọc M, sinh ngày 08/01/2018, hiện nay hai con đang sống chung với anh T . Khi ly hôn chị T đồng ý giao hai con cho anh T nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Chị T xác định không có.

- *Đối với bị đơn anh Trần Văn T :* Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T theo quy định pháp luật, nhưng anh T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Anh T đã được Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng anh T vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T .

[2] *Về hôn nhân*: Chị T và anh Tổng kết hôn vào năm 2015, hôn nhân tự nguyện, đến ngày 02/12/2015 đăng ký theo giấy chứng nhận kết hôn số 95/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Quách Phẩm B , huyện Đ , tỉnh C , hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh T thường đi uống rượu về nhà đánh chị và không lo lắng cho vợ con. Nay, chị yêu cầu được ly hôn với anh T . Đối với anh T , Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ anh T để tham gia hòa giải nhưng anh T vắng mặt không tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu của chị T . Ngoài ra, vợ chồng anh chị hiện đã ly thân hơn 02 năm và cũng không chung sống cùng nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm ai, nên đã vi phạm nghiêm trong quyền, nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau..."*. Viện dẫn theo điều luật quy định trên thấy rằng, tình trạng hôn nhân giữa chị T với anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về việc ly hôn với anh T .

[3] Về nuôi con chung: Tên Trần Ngọc M , sinh ngày 20/10/2015 và Trần Ngọc M , sinh ngày 08/01/2018, hiện nay hai con đang sống chung với anh T . Khi ly hôn chị T đồng ý giao hai con cho anh T nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử thấy rằng, tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định *"vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con..."*. Viện dẫn từ điều luật trên thấy rằng, chị T đồng ý giao hai con cho anh T nuôi dưỡng và từ khi anh chị ly thân đến nay cháu Ngọc M và Ngọc M do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định. Để không ảnh hưởng đến môi trường sống và sự phát triển lành mạnh về thể chất, tinh thần của cháu Ngọc M và Ngọc M . Do đó, cần giao cháu Ngọc M và Ngọc M cho anh T nuôi dưỡng. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con anh T chưa yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ:* Chị T xác định không có.

[5] *Án phí dân sự sơ thẩm:* Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp

nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 2 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kiều T .

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Kiều T ly hôn với anh Trần Văn T .

2. Về nuôi con chung: Giao Trần Ngọc M , sinh ngày 20/10/2015 và Trần Ngọc M , sinh ngày 08/01/2018 cho anh Trần Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Nguyễn Kiều T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0010696 ngày 28/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Quách Phẩm B ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Giang Nam